TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2019
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩmphán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Hạ.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Hữu Thiện.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hoa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 6, khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lê Đình N**, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 19, ấp P, xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NHẬN THẤY:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà và ông Lê Đình N tự nguyện chung sống từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn ngày 10-9-2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn gây gỗ, ông N thường xuyên chửi mắng xúc phạm danh dự bà, nghi ngờ ghen tuông không tin tưởng, thường xuyên dọa đánh nên ảnh hưởng đến tinh thần, hành xử bạo lực hay đập phá đồ đạc. Nay bà nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, do đó bà xin ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có 02 con chung:
+ Lê Đình T, sinh ngày 04-06-2003;
+ Lê M, sinh ngày 16-03-2010.
Bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Đình N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống tôi thường xuyên mâu thuẫn với mẹ vợ, mọi mâu thuẫn trong gia đình nguyên nhân do mẹ vợ, mẹ vợ bị bệnh tâm thần có giấy chứng nhận của bệnh viện nhưng vẫn biết đọc chữ suốt ngày có hành vi chửi mắng, đánh ông, ông lo sợ bị mẹ vợ giết nên ông phải ra đất rẫy cách nhà khoảng 2km làm nhà tạm sinh sống, bà H không thông cảm, không hiểu cho tôi mà hùa theo ý của mẹ vợ dẫn đến mâu thuẫn cãi nhau thường xuyên.

Ngoài ra vợ chồng còn mâu thuẫn trong cách dạy con, các con chung nghe lời bà H không tôn trọng ông, thời xuyên xúc phạm tôi. Ông đã nhiều lần nói chuyện với bà H để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H kiên quyết không đồng ý đoàn tụ. Nay bà H kiên quyết ly hôn nhưng ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung:

+ Lê Đình T, sinh ngày 04-06-2003;

+ Lê M, sinh ngày 16-03-2010.

Ông đồng ý giao con chung cho bà H nuôi theo nguyện vọng của con, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa, nhưng người tham gia tố tụng vắng mặt Toà án đã thực hiện thủ tục tống đạt và đảm bảo đúng quy định.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H với ông Lê Đình N. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng hai con chung; ghi nhận bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H, ông Lê Đình N tự nguyện chung sống từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống bà H, ông N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên uống rượu, chửi vợ con, đập phá đồ đạc trong gia đình, đồng thời còn mâu thuẫn gay gắt với mẹ ruột của bà N; mâu thuẫn này phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N đồng ý ly

hôn, tuy nhiên sau đó thay đổi ý kiến xin đoàn tụ nhưng ông không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H.

[3] Về con chung: Có 2 con chung:

- Lê Đình T, sinh ngày 04-06-2003;
- Lê M, sinh ngày 16-03-2010.

Các con chung hiện chung sống với bà H, có nguyện vọng được sống với bà H. Ông N cũng đồng ý việc bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng hai con chung theo nguyện vọng của con nên ghi nhận. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Lê Đình N.

Bà Nguyễn Thị Bích H, ông Lê Đình N chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai con chung:

- Lê Đình T, sinh ngày 04-06-2003;
- Lê M, sinh ngày 16-03-2010.

Bà Nguyễn Thị Bích H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng hai con chung Lê Đình T, Lê M. Ông Lê Đình N không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Ông Lê Đình N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung theo quy đinh pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Lê Đình N không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 0011401 ngày 18-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND Huyện D,
- Chi cục THA H.D,
- UBND xã;
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

TẠ THỊ HẠ

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Hội thẩm nhân dân *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*

Nguyễn Thị Thúy Nga